

Bản án số: 152/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/9/2017.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lại Hiệp Phong.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Ngô Văn Mừng.

Ông Trương Phước Công.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Mai Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1985; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông S đám cưới năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do quen biết, tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do ông S thường hay nhậu, cờ bạc, bà có khuyên nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Huỳnh Phước Trọng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011, hiện cháu K đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông S đăng ký kết hôn năm 2011 được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà H trình bày vợ chồng sống H phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, nếu buộc trở lại sống chung cũng không H phúc, nghĩ nên cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Huỳnh Phước Trọng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011, hiện cháu K đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà H đang nuôi cháu K, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu K, nghĩ nên để bà H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu K, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà H khởi kiện ông S, ông S có nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Huỳnh Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà H và ông S có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2011, quyển số 01/2011 ngày 26 tháng 4 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà H xác định, quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông S hay nhậu, cờ bạc, bà có khuyên nhiều lần nhưng không được, vợ chồng không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Xét thấy, bà H và ông S không còn sống chung khoảng 04 năm nay nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau, giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Huỳnh Phước Trọng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011, hiện cháu K đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu K đang sống ổn định với bà H vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của bà H là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không có, nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Ghi nhận bà H xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

[1]. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Thanh S.

[2]. Bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Phước Trọng K, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2011. Cháu K đang sống với bà H.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0013247 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong